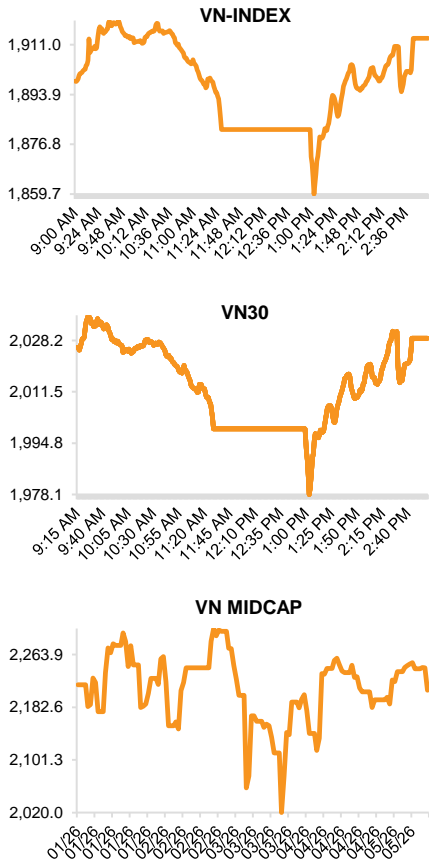


**KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
☎️ +84 2439724568  
✉️ Research@vndirect.com.vn  
🌐 vndirect.com.vn



**Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ**

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.913,2	261,3	125,2
1 ngày (%)	0,0	0,7	-0,8
1 tháng (%)	4,1	1,6	-3,3
Từ 2026	7,2	5,0	3,5
1 năm (%)	45,5	20,0	30,8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	341	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)		1,6	0,5
Số mã tăng	79	40	89
Số mã giảm	241	91	147
Số mã tham chiếu	82	164	505

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Thị trường chứng khoán**

**VN-Index đi ngang, nhóm Công nghệ bù đắp đà giảm của thị trường**

Trong phiên giao dịch ngày 20/5/2026, VN-Index đi ngang trong bối cảnh thị trường phân hóa mạnh. Chỉ số đóng cửa tại 1.913,2 điểm, tăng 0,3 điểm (+0,02%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 77 mã tăng (2 mã trần), 234 mã giảm (5 mã sàn) và 48 mã đứng giá. HNX-Index diễn biến tích cực hơn khi tăng 0,7% lên 261,3 điểm.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.028,9 điểm (+0,1%), với 11 mã tăng và 18 mã giảm, phản ánh áp lực bán lan rộng ngay cả trong nhóm vốn hóa lớn.

Bảng trong 19 nhóm ngành ghi nhận mức tăng. Công nghệ dẫn đầu với 3,2%, nhờ cổ phiếu FPT (+4,3%). Dầu khí hồi phục 2,4% sau đà giảm mạnh hôm qua, với GAS (+3,7%) và PLX (+4,4%). Hóa chất tăng 1,5%, Phương tiện truyền thông và Dịch vụ tiện ích tăng 1,2%, Bất động sản tăng 0,5% và Xây dựng & Vật liệu tăng 0,3%. Ở chiều ngược lại, Viễn thông đảo chiều giảm 3,2%, tiếp theo là Dịch vụ tài chính (-1,1%), Bảo hiểm (-1,0%), Dịch vụ bán lẻ (-0,8%) và Ngân hàng (-0,6%).

Thanh khoản HoSE đạt 29,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,9% so với phiên giao dịch trước đó. Khối ngoại bán ròng đạt 27,1 tỷ đồng, gần với trạng thái cân bằng dòng. Chiều mua ròng tập trung tại VCB (304,9 tỷ đồng), VIC (216,5 tỷ đồng), FPT (189,8 tỷ đồng); chiều bán ròng chủ yếu đến từ nhóm Ngân hàng với MBB (226,0 tỷ đồng), ACB (141,8 tỷ đồng) và VNM (111,0 tỷ đồng).

**Chúng tôi khuyến nghị:** 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm cho thấy đà phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đà tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

**Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH**

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,2	183,5	3,6	-0,4	-2,9	-5,6	4,0	8,8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,6	19,7	4,9	-0,7	-4,0	-10,2	10,2	9,5
Năng lượng	2,8	17,2	2,1	2,4	17,0	70,6	138,0	-21,7
Tài chính	36,2	12,0	1,8	-0,7	1,3	3,4	26,5	5,3
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,4	2,4	-0,2	-4,5	-5,9	-1,6	14,7
Công nghiệp	6,9	23,7	4,3	-1,2	-0,1	-4,8	35,8	19,7
Công nghệ thông tin	1,7	13,8	3,3	3,7	0,1	17,3	-21,3	120,2
Vật liệu xây dựng	5,8	19,3	1,9	0,5	-0,2	14,1	23,0	43,1
Bất động sản	31,3	101,0	8,2	0,7	13,8	26,6	286,3	24,2
Dịch vụ tiện ích	4,0	15,7	2,5	1,9	7,8	16,2	35,1	16,0

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Điểm tin**

**Tin vĩ mô thế giới**

- **Dự báo:** Liên Hợp Quốc hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 xuống mức 2,5% đồng thời cảnh báo chỉ số lạm phát thế giới có thể leo thang lên ngưỡng 3,9%, gây áp lực lên các quốc gia đang phát triển.
- **Trung Quốc:** Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa (PboC) giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (1 năm: 3,0%; 5 năm: 3,5%) tháng thứ 12 liên tiếp, phù hợp dự báo; thanh khoản liên ngân hàng dồi dào cho thấy chưa có áp lực nới lỏng tiền tệ trong ngắn hạn.
- **Anh:** Bảng lương tháng 4 giảm 100,0 nghìn người so với tháng 3, mức giảm lớn nhất kể từ đầu đại dịch COVID-19; tỷ lệ thất nghiệp tháng 3 tăng lên 5,0% (tháng 2: 4.9%) và số vị trí tuyển dụng giảm xuống thấp nhất kể từ đầu năm 2021, làm giảm kỳ vọng BoE tăng lãi suất.
- **Nhật:** Chỉ số niềm tin sản xuất Tankan tháng 5 tăng nhẹ lên 8,0 điểm (tháng 4: 7,0), thấp hơn đáng kể so với mức đỉnh 18,0 của tháng 3; niềm tin phi sản xuất giảm xuống 29,0 điểm (tháng 4: 31,0).

**Tin vĩ mô trong nước**

- Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm định hướng đưa phân khúc nhà cho thuê thành trụ cột chiến lược tới năm 2030. Khung thể chế mới dự kiến sẽ nắn dòng vốn vào quỹ căn hộ với chi phí hợp lý, đồng thời ngăn chặn động cơ đầu cơ tích sản.
- Thủ tướng Lê Minh Hưng tiếp Phó Đại diện Thương mại Hoa Kỳ nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn tất thỏa thuận giao thương đối ứng, tái khẳng định môi trường vĩ mô nội địa vận hành theo đúng cơ chế thị trường, không tồn tại rủi ro dư thừa công suất và cam kết bảo vệ triệt để quyền sở hữu trí tuệ.
- Bộ Tài chính phối hợp cùng Fitch Ratings triển khai chương trình định mức rủi ro chủ quyền chu kỳ 2026, khẳng định nền tảng tài khóa dồi dào hiện tại đang tạo lập vùng đệm vững chắc, giúp hệ thống hấp thụ triệt để mọi cú sốc lạm phát từ bên ngoài.

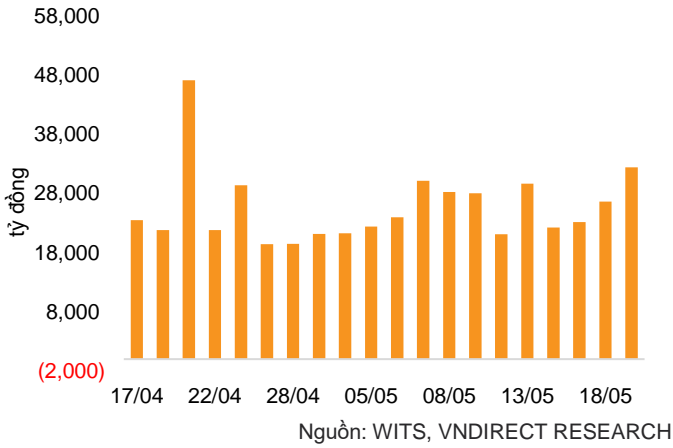
**Tin ngành và doanh nghiệp**

- **BAF:** Ký kết hợp đồng tín dụng 50,0 triệu USD với định chế FMO nhằm phát triển hai dự án chăn nuôi công nghệ cao tại Gia Lai, hướng tới mục tiêu doanh thu 2,0 nghìn tỷ đồng mỗi năm.
- **POW:** Ghi nhận mức lợi nhuận ước đạt 1,8 nghìn tỷ đồng sau năm tháng hoạt động, đồng thời triển khai lộ trình cổ phần hóa các chi nhánh nhằm chủ động cân đối nguồn vốn đầu tư.
- **FPT:** Chốt danh sách chi trả cổ tức tiền mặt đợt cuối năm 2025 với tỷ lệ 10,0%, tương đương quy mô giải ngân 1,7 nghìn tỷ đồng, nâng tổng mức phân phối lợi nhuận toàn tài khóa lên ngưỡng 20,0% (xấp xỉ 3,4 nghìn tỷ đồng), tiếp tục củng cố sức hấp dẫn dòng tiền cho cổ phiếu trụ cột.
- **PC1:** Ghi nhận lợi nhuận sau thuế Q1/26 bứt phá 86,0% svck lên mức 0,3 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ mảng hoạt động tài chính tăng trưởng gấp năm lần, giúp doanh nghiệp hoàn thành 26,0% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm, tạo đà bứt tốc cho các quý tiếp theo.

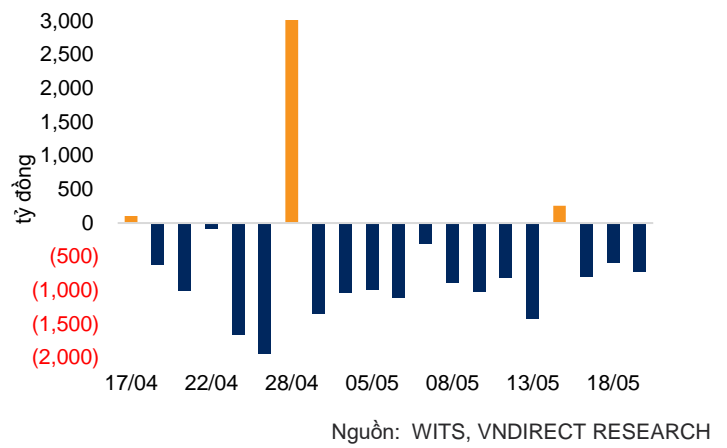
**Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần**

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 18/05/2026	Trung Quốc	Dữ liệu kinh tế tháng 4
Thứ Tư, 20/05/2026	Mỹ	Công bố biên bản họp FOMC tháng 4
Thứ Năm, 21/05/2026	Mỹ	PMI sản xuất & dịch vụ tháng 5

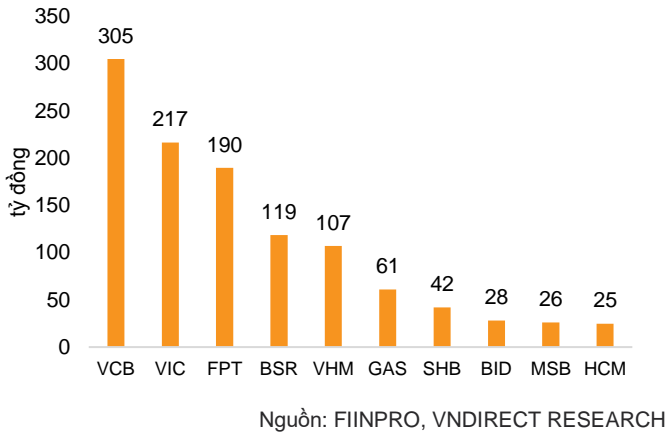
**Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN**



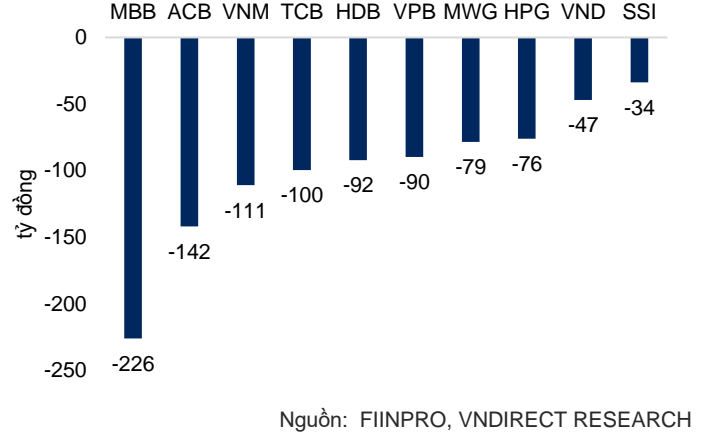
**Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN**



**Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY**



**Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY**

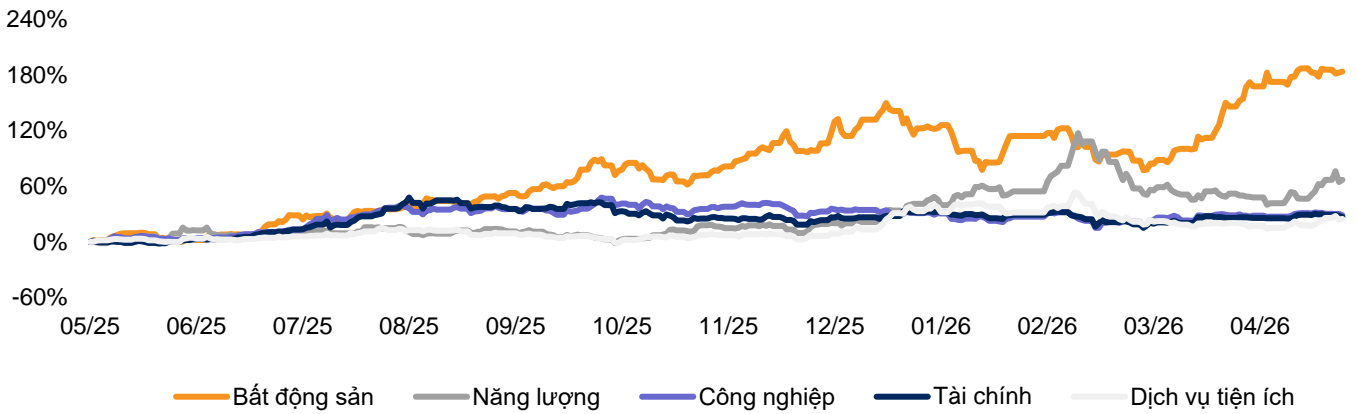


**Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU**

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-0,2%	4,9%	19,6	1,6	-11,1%	2,2%	156.801	1,4%	17.878	0,2%	6,1%
Ấn Độ	NSE500 Index	0,1%	-5,5%	24,3	3,2	14,8%	1,2%	10.871	6,9%	-22.552	-3,8%	-11,6%
Indonesia	JCI Index	-0,8%	-26,9%	15,0	1,7	11,8%	4,0%	986	6,8%	-2.427	-2,8%	-7,0%
Singapore	FSTAS Index	-0,5%	8,3%	18,0	1,5	9,0%	4,3%	1.590	1,9%	1.149	-0,8%	1,1%
Malaysia	FBME Index	-0,6%	3,4%	16,8	1,5	8,3%	3,7%	734	3,4%	200	-0,4%	8,2%
Philippines	PCOMP Index	-0,2%	-3,8%	7,6	0,5	6,3%	3,9%	102	5,8%	-82	-2,8%	-9,9%
Thái Lan	SET Index	0,6%	21,1%	12,8	1,4	8,9%	4,4%	2.003	1,7%	777	-2,0%	0,6%
<b>Việt Nam</b>	<b>VN-Index</b>	<b>0,0%</b>	<b>7,2%</b>	<b>15,6</b>	<b>2,2</b>	<b>15,1%</b>	<b>1,4%</b>	<b>909</b>	<b>4,1%</b>	<b>-2.005</b>	<b>-0,1%</b>	<b>-1,5%</b>

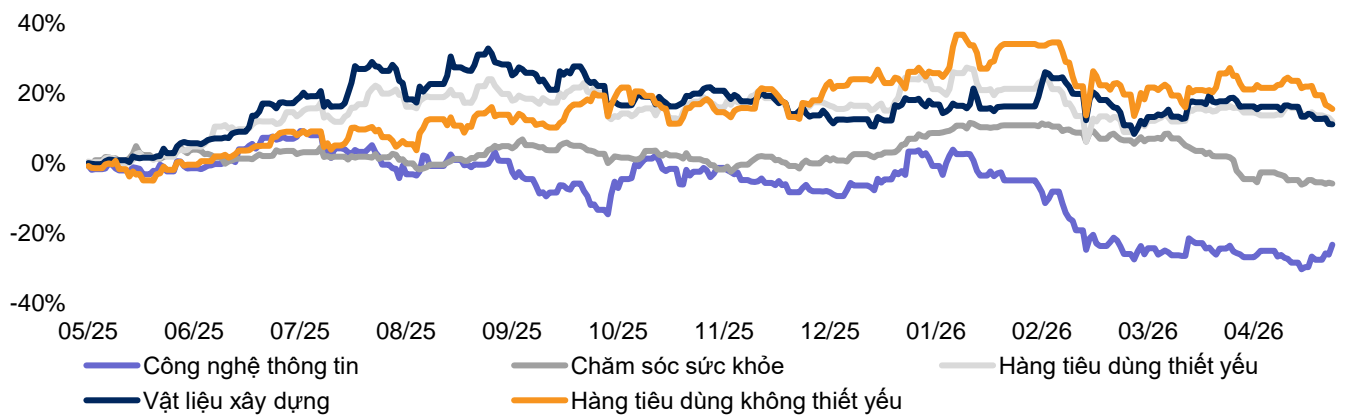
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)**



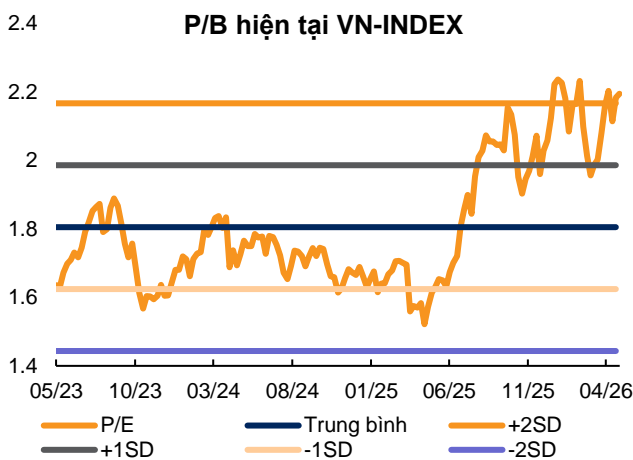
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)**



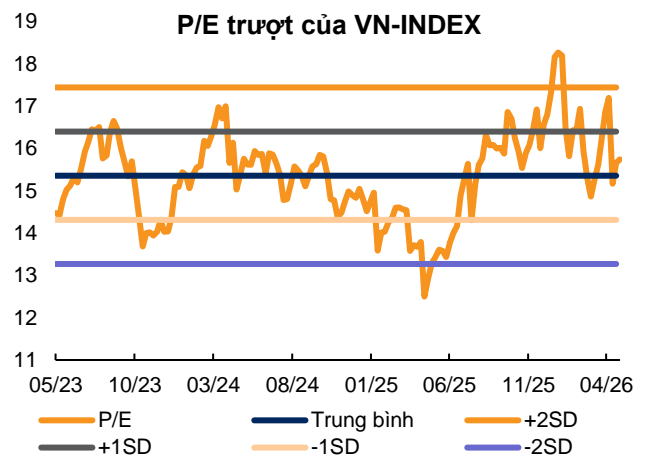
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 10: P/B HIỆN TẠI**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 11: P/E TRƯỢT**



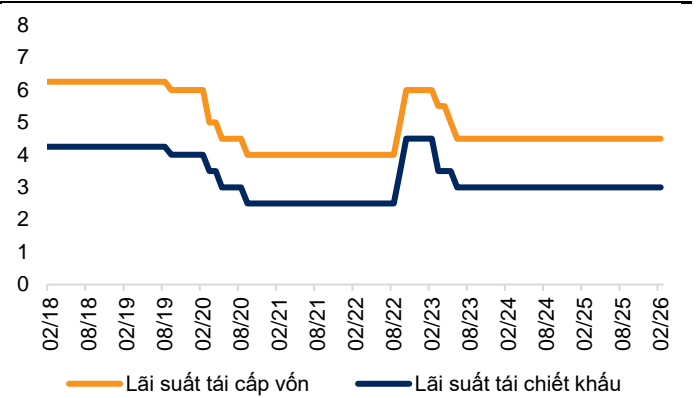
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ**

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,06	0,2	-0,3	24,7	65,3
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	6,15	6,4	50,0	272,7	71,8
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,89	5,5	-0,6	-16,5	58,4
USD/VND	26.363	0,0	-0,1	-0,2	-1,5
DXY	99,41	0,1	1,3	1,1	-0,7
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,64	-0,7	9,0	11,2	3,3
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,17	-0,8	11,6	17,8	5,5

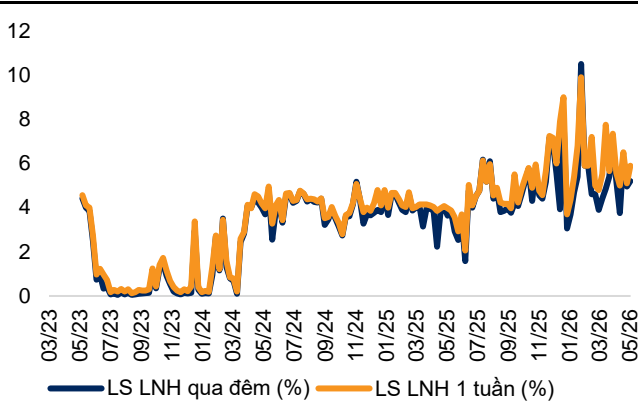
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM**



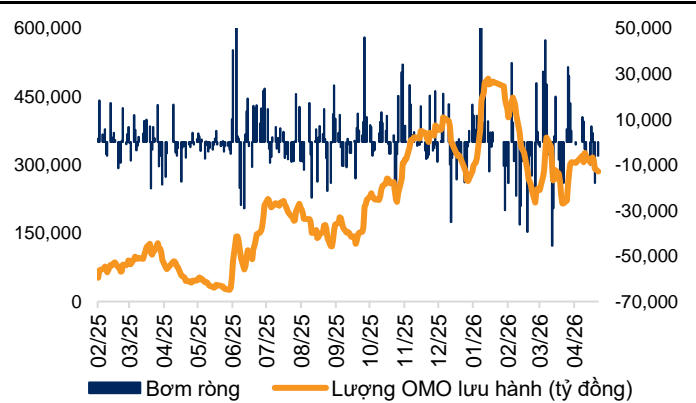
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG**



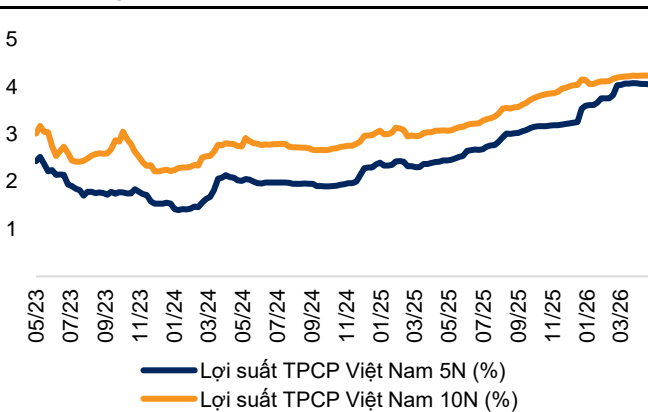
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO**



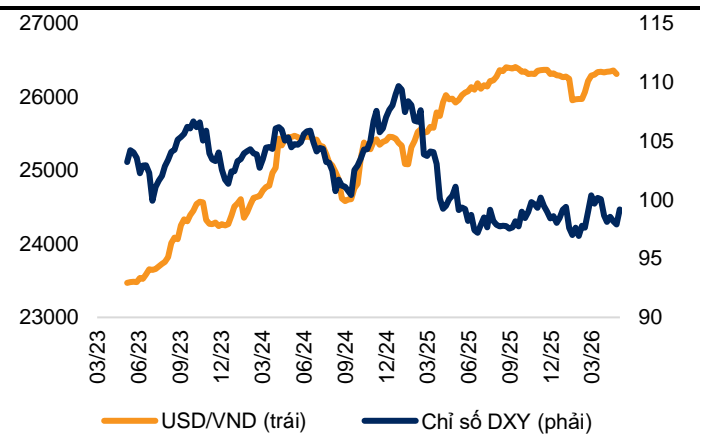
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 17: TỶ GIÁ**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-1,9%	14,1%	63,4%
Brent Crude	-1,9%	14,3%	66,9%
JKM LNG	3,9%	28,9%	80,3%
Henry Hub LNG	-0,9%	29,0%	56,8%
NW Thermal Coal	5,2%	19,2%	8,8%
Singapore Platt FO	0,0%	8,7%	66,3%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-0,5%	-6,7%	36,6%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-2,9%	-8,6%	131,6%
Bạch kim	0,0%	-6,1%	84,2%

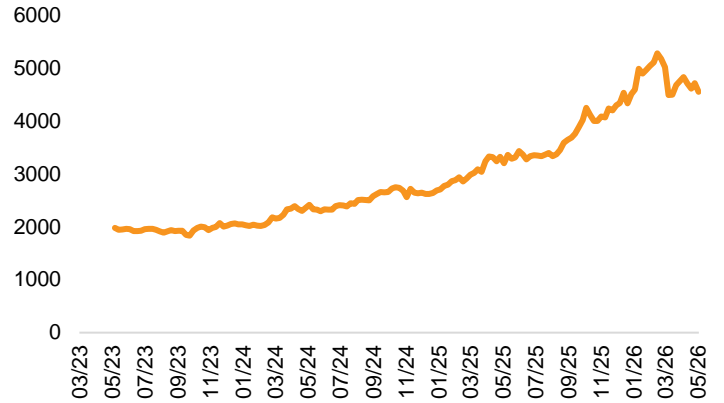
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	2,5%	613,4%
Đồng	-0,7%	1,2%	32,5%
Nhôm	0,9%	1,3%	48,4%
Niken	1,3%	3,9%	21,6%
Kẽm	-0,4%	1,2%	9,3%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,0%	2,2%	-2,5%
Quặng sắt	-0,1%	1,6%	6,5%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	0,0%	17,5%	2,1%
Arabica	-1,3%	-8,8%	-27,8%
Đường	-0,2%	11,2%	-13,6%
Cacao	0,1%	18,6%	-64,0%
Dầu cọ	-0,3%	1,7%	NA
Bông	-1,1%	4,9%	23,1%
Sữa bột	0,0%	0,5%	-8,6%
Lúa mì	-0,7%	11,0%	21,4%
Đậu tương	-0,6%	3,1%	14,1%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	-1,6%	4,9%	20,3%
Urê	-9,5%	-14,5%	77,7%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-0,6%	4,8%	-1,3%
Gia súc	0,5%	1,8%	19,5%

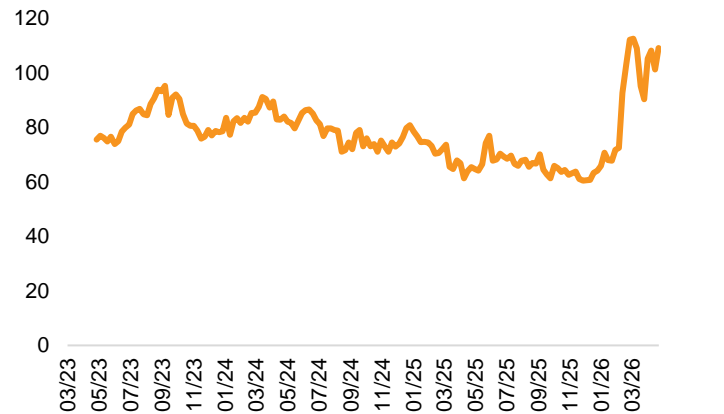
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



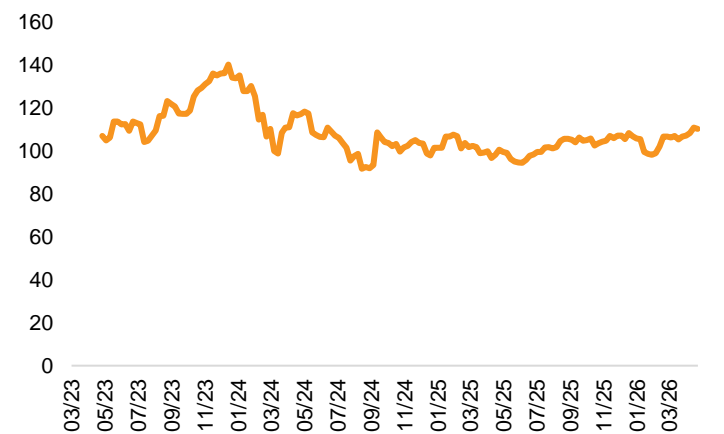
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Hàng không</b>										
ACV	6.047	2,1	2.850	44.500	73.300	65,9%	1,2%	14,9	2,2	16%
AST	122	0,0	4	71.600	85.400	22,8%	3,5%	11,0	4,7	47%
HVN	2.502	1,2	543	21.200	43.400	107,7%	2,9%	8,4	11,1	
VJC	3.828	8,4	907	170.600	113.600	-32,8%	0,6%	38,7	3,9	11%
<b>Bán lẻ</b>										
BAF	394	2,7	186	34.200	37.200	8,8%		54,0	2,6	4%
DGW	343	3,8	91	40.850	49.600	23,9%	2,4%	14,0	2,5	19%
FRT	853	2,4	147	132.000	150.300	14,1%	0,3%	24,6	5,0	28%
MCH	6.432	2,0		131.000	147.000	13,8%	1,6%	24,7	9,9	42%
MWG	4.300	23,7	-2	77.200	96.300	26,0%	1,3%	13,9	3,2	25%
PNJ	1.277	5,5	11	65.800	109.900	68,0%	1,0%	9,6	2,3	28%
QNS	676	0,3	275	48.500	53.400	14,2%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.321	1,6	963	47.700	59.900	31,9%	6,3%	13,1	2,7	21%
VHC	462	2,5		58.200	71.300	25,9%	3,4%	8,8	1,3	16%
VNM	4.685	13,0	2.393	59.100	74.800	31,4%	4,8%	13,4	3,8	28%
<b>Tài chính</b>										
ACB	4.413	12,1	208	22.650	31.300	42,0%	3,8%	7,2	1,2	18%
BID	12.123	13,8	1.507	43.900	47.200	8,5%	1,0%	10,0	1,7	18%
CTG	10.370	13,5	501	35.200	49.000	40,1%	0,9%	7,2	1,5	22%
HDB	4.898	14,1	254	25.800	39.500	55,6%	2,5%	7,1	1,6	25%
LPB	5.926	2,9	241	52.300	33.400	-30,4%	5,7%	14,0	3,2	23%
MBB	7.516	19,7	21	24.600	32.900	35,8%	2,0%	7,1	1,4	21%
STB	5.120	22,2	915	71.600	45.700	-35,3%	0,9%	17,6	2,2	8%
TCB	8.722	16,4	10	32.450	40.300	26,3%	2,2%	8,8	1,3	16%
TPB	1.631	8,0	99	15.500	17.800	21,0%	6,1%	5,8	1,0	18%
VCB	20.475	20,5	2.040	64.600	69.300	8,0%	0,7%	15,0	2,3	16%
VIB	2.027	3,8	4	15.700	23.600	56,1%	5,7%	7,0	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.035	17,2	437	26.700	37.100	40,8%	1,9%	8,1	1,2	16%
<b>Dệt may</b>										
MSH	148	0,6	63	34.700	40.600	19,9%	2,9%	6,4	2,0	33%
TCM	97	1,0	2	22.900	29.800	32,3%	2,2%	11,1	1,0	10%
<b>Khu công nghiệp</b>										
BCM	2.171	1,5	718	55.300	68.600	26,0%	2,0%	17,0	2,6	16%
GMD	1.260	5,9	94	77.900	72.000	-4,7%	2,8%	19,0	2,4	13%
HAH	357	4,6	67	55.700	55.400	0,8%	1,4%	7,8	2,0	27%
VSC	293	6,7	141	20.650	19.100	-5,1%	2,4%	28,2	1,5	6%
IDC	631	4,4	203	43.800	45.600	7,5%	3,4%	8,9	2,5	31%
KBC	1.106	4,9	447	30.950	30.000	-1,9%	1,2%	18,9	1,2	7%
PHR	359	1,1	125	69.900	68.400	-0,2%	1,9%	14,3	2,2	16%
VTP	462	1,8	207	70.500	129.200	84,4%	1,1%	33,5	6,6	21%
<b>Tài nguyên cơ bản</b>										
DGC	703	12,1	309	48.800	128.300	169,1%	6,1%	7,5	1,2	17%
HPG	7.628	43,4	2.038	26.200	30.000	16,4%	1,9%	9,5	1,4	16%
<b>Dầu khí</b>										
BSR	6.040	22,0	2.861	31.800	16.700	-46,1%	1,4%	12,2	2,3	21%
GAS	8.210	9,5	3.851	89.700	78.400	-10,3%	2,3%	18,7	3,1	18%
OIL	616	4,4	39	15.700	14.800	-4,1%	1,6%	45,8	1,5	3%
PLX	2.113	11,3	115	43.850	47.700	11,5%	2,7%	34,0	2,2	7%
PVD	704	9,0	276	33.400	32.600	5,1%	7,5%	15,8	1,1	7%
PVS	799	12,7	264	41.200	41.800	3,0%	1,6%	10,9	1,4	13%
PVT	423	9,9	149	23.750	23.400	-0,5%	1,0%	9,8	1,2	13%
<b>Phân bón - Hóa chất</b>										
DPM	692	10,2	311	26.850	22.700	-12,2%	3,2%	15,9	1,6	11%
DCM	848	9,6	330	42.250	40.000	-0,6%	4,7%	10,9	1,9	19%
DDV	148	1,8	67	26.700	39.700	52,1%	3,4%	6,2	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	71	0,6	35	23.200	34.100	49,1%	2,2%	#N/A N/A	1,4	9%
<b>Điện</b>										
POW	1.612	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
<b>Điện và BĐS</b>										
HDG	333	2,8	106	23.700	37.400	59,9%	2,1%	13,2	1,3	10%
PC1	296	9,0	112	19.000	26.500	39,5%	0,0%	7,7	1,2	15%
REE	1.264	3,0	0	53.500	76.600	44,8%	1,6%	12,7	1,6	13%
<b>Bất động sản</b>										
DXG	629	10,4	184	14.900	18.300	36,2%	13,4%	70,1	1,2	2%
KDH	951	4,5	229	22.350	41.800	88,3%	1,3%	22,3	1,3	6%
NLG	472	3,5	46	25.650	42.200	66,3%	1,8%	19,0	1,0	6%
VHM	24.913	29,1	10.526	159.900	93.600			10,1	2,5	28%
VRE	2.887	8,5	1.041	33.500	32.000	-1,3%	3,1%	11,1	1,5	15%
<b>Công nghệ</b>										
FPT	5.021	38,0	1.019	77.700	118.200	53,4%	1,3%	13,7	3,4	27%

**MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ****Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: +84 24 3972 4568  
Fax: +84 24 3972 4568

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Tòa nhà 90 Pasteur,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
ĐT: +84 28 7300 0688  
Fax: +84 28 3914 6924

**Chi nhánh Đà Nẵng**

57 Duy Tân,  
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng  
ĐT: +84 511 382 1111  
Fax: NA

**Chi nhánh Vinh – Nghệ An**

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,  
Phường Trường Vinh, Nghệ An  
ĐT: +84 23 8730 2886  
Fax: NA

**Chi nhánh Cần Thơ**

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,  
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ  
ĐT: +84 710 3766 959  
Fax: NA

**Chi nhánh Quảng Ninh**

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,  
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh  
ĐT: +84 98 8619 695  
Fax: NA

**Chi nhánh Thanh Hoá**

Tầng 2, số 11 Hạc Thành  
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa  
ĐT: +84 90 3255 202  
Fax: NA

**Chi nhánh Bình Dương**

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,  
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM  
ĐT: +84 27 4222 2659  
Fax: +84 27 4222 2660

**Chi nhánh Nam Định**

88-90 Phạm Sư Mạnh,  
Phường Nam Định, Ninh Bình  
ĐT: +84 22 8352 8819  
Fax: NA